

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 69/2020/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Mộng T1 và 01 con; tiền án: Ngày 29/6/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, ngày 26/8/2019 đã chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không có;

bị bắt ngày 17/6/2020, tạm giữ từ ngày 18/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 21/6/2020 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Thị Mộng T1 (H), sinh năm 1981, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị D; có chồng là Nguyễn Thanh T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; tạm giữ từ ngày 15/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến nay. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 15/6/2020, tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Công an huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra bắt quả tang bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Lộc P, sinh năm 1997 ngụ khu phố 3, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tang vật thu giữ: 01 bịch nylon màu trắng được hàn kín 01 đầu có kéo xếp viền màu đỏ bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng được niêm phong theo quy định (kí hiệu M1) và một số đồ vật tài liệu có liên quan. Tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ: 05 bịch nylon màu trắng (kí hiệu M2 đến M6), bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng và 01 bịch nylon màu trắng, bên trong có chứa 03 viên nén màu xanh (kí hiệu M7). Bị cáo T1 khai nhận các bịch nylon nói trên là chất ma túy, do chồng của bị cáo T1 là bị cáo Nguyễn Thanh T mua về phân chia nhỏ lẻ để bán cho các đối tượng nghiện ma túy. Ngày 17/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Nguyễn Thanh T khi bị cáo T đang ở tại phòng trọ thuộc khu phố Ninh Tân, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tiến hành khám xét phòng trọ nơi ở của bị cáo Nguyễn Thanh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ: 01 bịch nylon màu trắng có một đầu kéo xếp viền đỏ bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng (kí hiệu M), bị cáo T khai nhận đây là số ma túy T đã sót ra từ bịch ma túy đã mua trước đó, mang theo nhằm mục đích sử dụng và bán khi ai có nhu cầu.

Quá trình điều tra đã chứng minh được như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh T là một người nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng và bán, bị cáo T đã mua ma túy của một người đàn ông tên Bưu không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể với số tiền là 8.000.000 đồng, đem về nhà chia nhỏ ra cho các đối tượng nghiện. Bị cáo T nhiều lần đánh đập vợ là bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1, ép buộc phải nghỉ bán quán ăn, ở nhà phụ giúp bị cáo T trong việc mua bán ma túy. Khi ai có nhu cầu mua ma túy, bị cáo T sẽ trực tiếp bán hoặc chỉ đạo cho bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 bán.

Cơ quan điều tra đã làm rõ được những người mua ma túy của bị cáo Nguyễn Thanh T, liên hệ qua số điện thoại của bị cáo T hoặc bị cáo T1 thỏa thuận số lượng, giá cả và địa điểm giao nhận ma túy đều ở tại nhà của bị cáo T, cụ thể như sau:

- Ngày 10/6/2020, bán cho Phan Quốc V (T), sinh năm 1985, ngụ ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh 01 lần với số tiền là 200.000 đồng, bị cáo T là người trực tiếp bán.

- Bán cho Nguyễn Lộc P 04 lần cụ thể:

- + Lần 01: Không nhớ rõ thời gian, số tiền là 200.000 đồng, bị cáo T trực tiếp giao ma túy cho P.

- + Lần 02: Khoảng 04 giờ ngày 15/6/2020, số tiền là 400.000 đồng, bị cáo T1 là người giao ma túy cho P.

- + Lần 03: Khoảng 13 giờ ngày 15/6/2020, số tiền là 300.000 đồng, bị cáo T1 là người giao ma túy cho P.

- + Lần 04: Khoảng 17 giờ ngày 15/6/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm 1989 ngụ khu phố 3, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nhờ bạn là Nguyễn Lộc P điện thoại cho bị cáo T1 hỏi mua ma túy với số tiền 200.000 đồng thì P đồng ý. Sau đó, P điện thoại cho bị cáo T1 và hẹn đến nhà của bị cáo T1 để lấy ma túy. Khi đến nhà bị cáo T1, T3 đợi ngoài cổng, P vào gặp bị cáo T1 nhận ma túy và giao tiền thì bị bắt quả tang.

Kết luận giám định số 907/KL-KTHS ngày 19/6/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 1 (một) bịch nylon màu trắng được hàn kín (ký hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,0534 gam.

- Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 2 (hai) bịch nylon màu trắng được hàn kín có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M2) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 9,8078 gam.

- Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh, trong 01 (một) bịch nylon màu trắng được hàn kín có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M3) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 1,5129 gam;

- Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 (một) bịch nylon màu trắng được hàn kín (ký hiệu M4) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,3086 gam;

- Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 (một) bịch nylon màu trắng có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M5) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 3,1842 gam;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 (một) bịch nylon màu trắng có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M6) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 2,7960 gam.

- Mẫu 03 (ba) viên nén màu xanh bên trong 01 (một) bịch nylon màu trắng có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M7) gửi đến giám định là chất ma túy; loại MDMA và Ketamine; khối lượng 1,7570 gam.

Kết luận giám định bổ sung số 913/KLBS-KTHS ngày 20/6/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 (một) bịch nylon màu trắng có một đầu kéo xếp viền đỏ (ký hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 2,6258 gam.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo T do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Phan Quốc Việt, đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa tiến hành làm việc được.

Đối với Nguyễn Lộc P và Nguyễn Thị Huyền T3, Công an huyện Châu Thành đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên tài sản.

Cáo trạng số: 68/CT-VKSCT ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Mộng T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 đến 10 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm r, s, k khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 từ 04 đến 05 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Mộng T1 thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh T: Xin Hội đồng xét xử xử nhẹ nhất cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1: Xin Hội đồng xét xử xử nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chứng minh được: Trong khoảng thời gian tháng 6/2020, bị cáo Nguyễn Thanh T mua ma túy về nhà cất giấu, phân chia thành nhiều bịch nhỏ để bán lại cho người sử dụng. Bị cáo T ép buộc vợ là bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 phụ giúp bị cáo T trong việc bán ma túy. Ngày 15/6/2020, tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T chỉ đạo bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 bán 0,0534 gam ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Lộc P với số tiền 200.000 đồng thì bị bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 22,0457 gam, trong đó gồm 20,2887 gam chất ma túy loại Methamphetamine và 1,7570 gam chất ma túy loại MDMA và Ketamine; các bị cáo thừa nhận ma túy thu giữ để bán cho người nghiện. Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận tính cả lần bị bắt quả tang, bị cáo T đã bán ma túy tổng cộng 05 lần, trong đó bán cho Phan Quốc V (T) 01 lần, Nguyễn Lộc P 04 lần, riêng bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 giúp sức cho bị cáo T bán 03 lần. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Mộng T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội phạm nêu trên là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích lợi nhuận vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo T là người có vai trò chính, là người trực tiếp mua ma túy về nhà cất giấu, phân chia thành nhiều bịch nhỏ để bán lại cho người sử dụng. Bị cáo ép buộc vợ là bị cáo T1 phụ giúp trong việc bán ma túy. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T1.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1, bị cáo biết bị cáo T bán ma túy cho người sử dụng nhưng bị bị cáo T ép buộc nên bị cáo T1 đã giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo T1 phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt cũng xem xét đến nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

[5.1] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo T có 01 tiền án, bị cáo T1 không có tiền án, tiền sự.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã tự khai nhận lần phạm tội trước và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1 phạm tội vì bị bị cáo T đe dọa, cưỡng bức, bị cáo có mẹ là thanh niên xung phong, trực tiếp phục vụ chiến tranh biên giới Tây Nam từ ngày 14/10/1978 đến ngày 20/10/1980 là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm k khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.4] Bị cáo T1 và bị cáo T là vợ chồng, do bị cáo T ép buộc nên có vai trò giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s, k khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T1 để tạo cơ hội cho bị cáo T1 phấn đấu, tu dưỡng sớm trở về với cộng đồng để chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

[5.5] Vì vậy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị là có căn cứ để xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, căn cứ Điều 35 Bộ luật Hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 03 (ba) gói niêm phong ghi “vụ 907/gói 2, gói 3, gói 4”, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của giám định viên Võ Quốc Thái, trợ lý giám định Trịnh Thị Nhật Quyên; 01 (một) gói niêm phong ghi “vụ 913/KL-KTHS”, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý giám định Nguyễn Thị Thùy Linh: Đây là chất ma túy, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 (ba) cái kéo kim loại; 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 03 (ba) ống thủy tinh dạng phễu; 08 (tám) bật lửa; 01 (một) cân điện tử; 04 (bốn) bình gas mini hiệu Bluesky; 31 (ba mươi mốt) bịch nylon rỗng: Đây là vật dụng bị cáo T dùng để sử dụng phân chia chất ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo T1 bán ma túy cho P, số tiền 300.000 đồng bị cáo T1 bán ma túy cho P, số tiền 145.000 đồng bị cáo T bán ma túy cho P: Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: OPPO, màu trắng, số IMEI 1: 867287026959838, số IMEI 2: 867287026959820 (đã qua sử dụng) của bị cáo T1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: MI, màu bạc, số IMEI 1: 869815033896201, số IMEI 2: 869815033896219 (đã qua sử dụng) của bị cáo T: Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: SAMSUNG, màu vàng, số IMEI 1: 352560074594562/01 (đã qua sử dụng) của bị cáo T1, không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T1.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: SAMSUNG, màu vàng đồng, số IMEI 1: 357625088012014, số IMEI 2: 357651088012710 (Tình trạng bị hư, không khởi động nguồn được) của bị cáo T: Không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (tình trạng bị hư, không khởi động nguồn được) của bị cáo T: Không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với số tiền 1.560.000 đồng của bị cáo T1: Số tiền này do bị cáo T1 bán quán ăn có được, không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T1.

- Đối với số tiền 7.855.000 đồng của bị cáo T: Số tiền này bị cáo T được em gái cho đi làm răng, không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với số tiền 1.712.000 đồng của bà N: Không là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bà N.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Mộng T1 (H) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s, k khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1 (H) 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) gói niêm phong ghi “vụ 907/gói 2, gói 3, gói 4”, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của giám định viên Võ Quốc Thái, trợ lý giám định Trịnh Thị Nhật Quyên; 01 (một) gói niêm phong ghi “vụ 913/KL-KTHS”, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn

Nguyễn, trợ lý giám định Nguyễn Thị Thùy Linh; 03 (ba) cái kéo kim loại; 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 03 (ba) ống thủy tinh dạng phiều; 08 (tám) bát lửa; 01 (một) cân điện tử; 04 (bốn) bình gas mini hiệu Bluesky; 31 (ba mươi mốt) bịch nylonong rỗng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 645.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: OPPO, màu trắng, số IMEI 1: 867287026959838, số IMEI 2: 867287026959820 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: MI, màu bạc, số IMEI 1: 869815033896201, số IMEI 2: 869815033896219 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo T1: Số tiền 1.560.000 (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: SAMSUNG, màu vàng, số IMEI 1: 352560074594562/01 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo T: Số tiền 7.855.000 (bảy triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: SAMSUNG, màu vàng đồng, số IMEI 1: 357625088012714, số IMEI 2: 357651088012710 (Tình trạng bị hư, không khởi động nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (tình trạng bị hư, không khởi động nguồn được).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.712.000 (một triệu bảy trăm mười hai nghìn) đồng.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/9/2020).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lâm Thị Thanh Hằng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân

Phan Văn Hoàng

Lâm Thị Thanh Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA